

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam quay đầu giảm điểm trước lo ngại về diễn biến phức tạp của dịch Covid-19

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL đảo chiều giảm điểm trong phiên hôm nay sau khi diễn biến Covid-19 tại Hà Nội trở nên phức tạp

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, VJC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, có thể mở thêm 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số test hoặc chớm phá đáy quanh 1000

01/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,035.51	-2.00
VN30	1,029.86	-1.76
HĐTL VN30F1M	1,030.00	-4.36
HNXIndex	208.85	-2.50
HNX30	299.59	-5.30
UPCoM	71.08	-1.39
USD/VND	23,041	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.26	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.33	+18
Dầu (WTI, \$)	52.68	+0.92
Vàng (LME, \$)	1,865.30	+0.96



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,035.51 (-2.00%)
KLGD (triệu CP) 588.1 (-17.4%)
GTGD (triệu U\$) 592.5 (-23.4%)

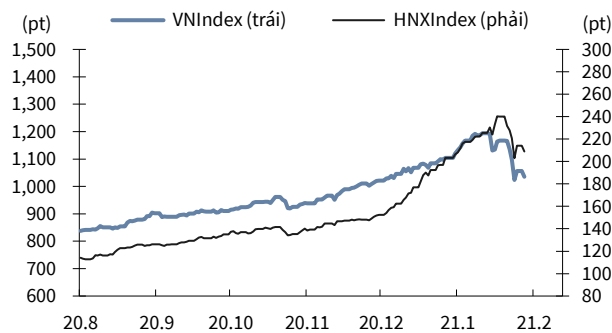
HNXIndex 208.85 (-2.50%)
KLGD (triệu CP) 102.1 (-37.3%)
GTGD (triệu U\$) 53.7 (-28.4%)

UPCoM 71.08 (-1.39%)
KLGD (triệu CP) 30.8 (-70.6%)
GTGD (triệu U\$) 16.7 (-48.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +9.0

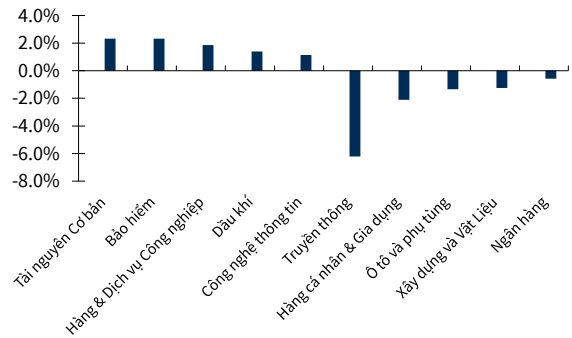
TTCK Việt Nam quay đầu giảm điểm trước lo ngại về diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Các nhóm cổ phiếu chịu tác động trực tiếp bởi dịch Covid-19 đồng loạt giảm mạnh như cổ phiếu hàng không với HVN (-2.9%), VJC (-0.2%); cổ phiếu hàng tiêu dùng MWG (-6.8%), PNJ (-5.2%). Theo Hiệp hội xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu năm 2021 do không chỉ cước phí tàu biển tiếp tục tăng phi mã, nhiều chi phí đầu vào cho sản xuất, chế biến thủy sản cũng tăng theo khiến cổ phiếu nhóm thủy sản giảm giá như VHC (-6.8%), ANV (-3.2%). Cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp giảm giá ở KBC (-6.9%), LHG (-5.4%), NTC (-2.2%) trước thông tin từ báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/1/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 2.02 tỷ USD chỉ bằng 37.8% so với cùng kỳ năm trước. Khối ngoại mua ròng ở HPG (-2.0%), VNM (-0.1%), VRE (-6.4%).

VNIndex & HNXIndex



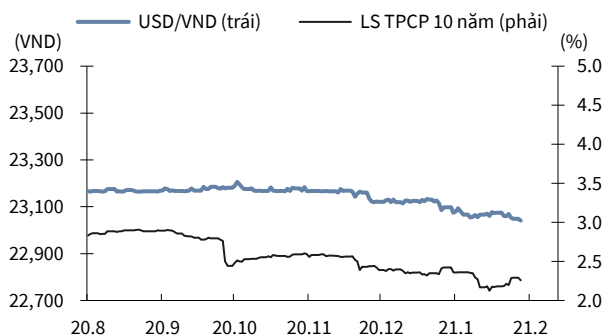
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

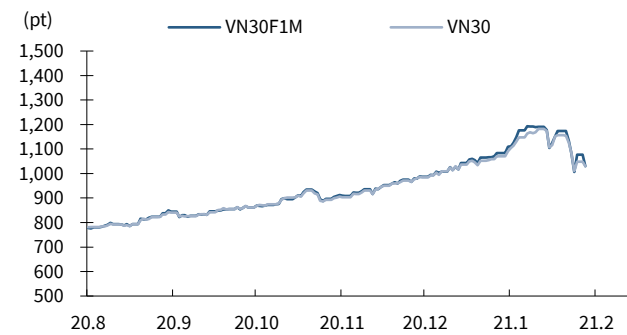
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,029.86 (-1.76%)
VN30F1M	1,030.0 (-4.36%)
Mở cửa	1,065.0
Cao nhất	1,075.8
Thấp nhất	1,030.0

HĐTL đảo chiều giảm điểm trong phiên hôm nay sau khi diễn biến Covid-19 tại Hà Nội trở nên phức tạp. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 21.68 và thu hẹp dần, đóng cửa ở mức 0.14. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi.

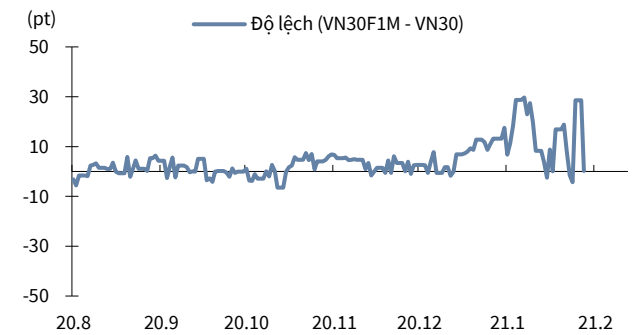
KLGD (HĐ)	242,532 (-4.4%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



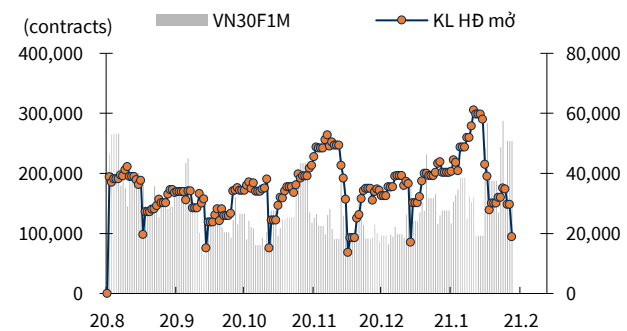
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



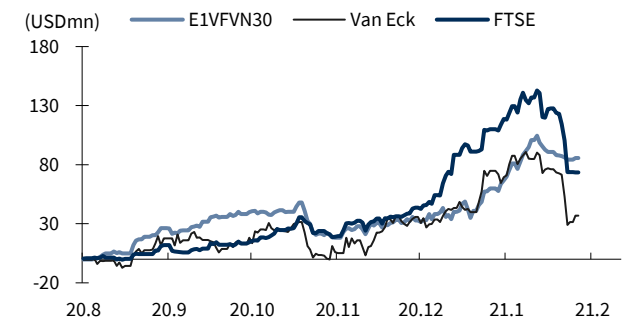
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

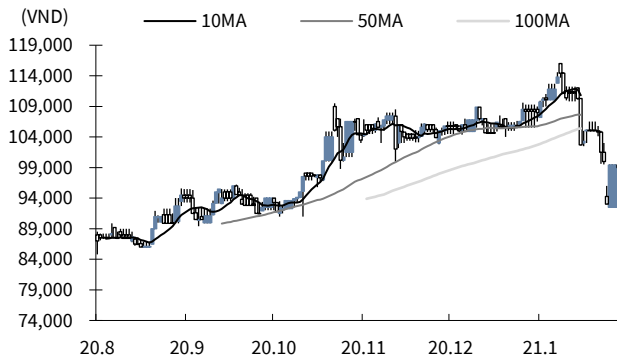
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

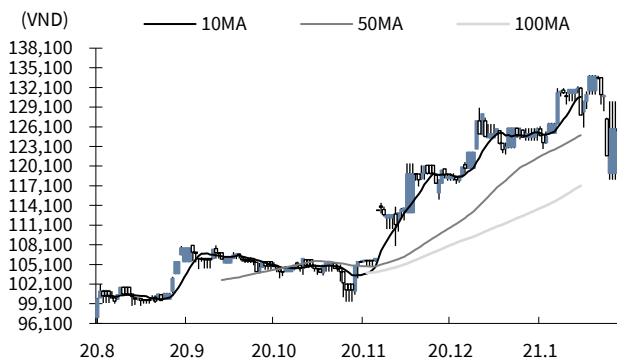
Tập đoàn Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -0.4% xuống 99,000 VNĐ/cp.
- VIC công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2020 với lợi nhuận 1,551 tỷ đồng (-66% YoY), doanh thu đạt 35,821 tỷ đồng (-4% YoY), giảm so với cùng kỳ do không còn ghi nhận doanh thu lĩnh vực bán lẻ. Trong đó, doanh thu bán bất động sản tăng 47% YoY chủ yếu đến từ bàn giao ba Đại dự án Vinhomes, doanh thu hoạt động sản xuất tăng 40% YoY nhờ ghi nhận tích cực doanh số bán xe của VinFast, và VinSmart giữ vững vị thế trong top thương hiệu điện thoại thông minh bán chạy nhất trong quý IV.

Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm -0.2% xuống 125,500 VNĐ/cp.
- VJC công bố kết quả kinh doanh năm 2020 với lợi nhuận đạt 70 tỷ đồng (-98% YoY) và doanh thu đạt 18,210 tỷ đồng (-64% YoY). Trong năm 2020, hãng đã khai thác 78,462 chuyến bay với 120,093 giờ bay, vận chuyển hơn 15 triệu lượt khách, chuyển đổi cấu hình một số tàu bay thành vận tải hàng hóa và đánh dấu việc đưa vào vận hành Trung tâm Khai thác Mặt đất Vietjet tại sân bay quốc tế Nội Bài.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



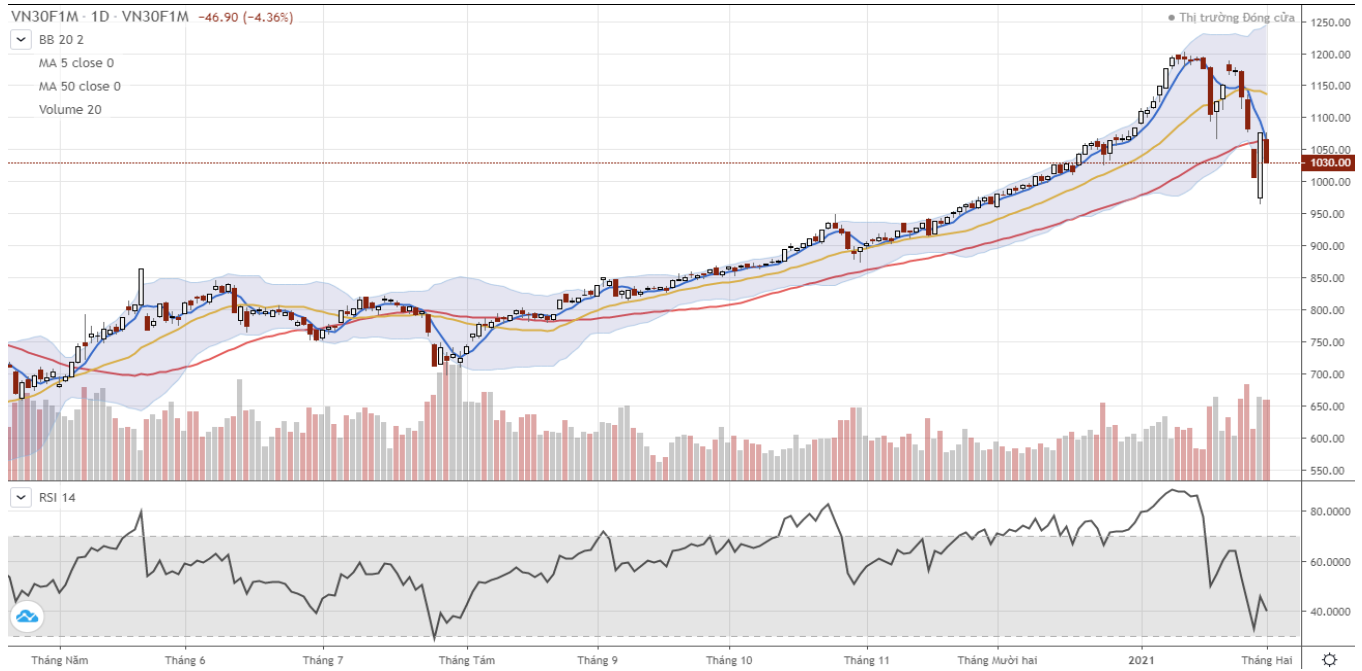
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nỗ lực hồi phục đầu phiên bất thành, VNIndex đảo chiều giảm điểm với nhịp giảm mở rộng về cuối phiên.
- Mặc dù cơ hội phục hồi lên vùng kháng cự quanh 1105 (+-10) vẫn đang hiện hữu, chỉ số nhiều khả năng sẽ còn gặp nhiều diễn biến rung lắc mạnh.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, có thể mở thêm 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số test hoặc chớm phá đáy quanh 1000.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1058-1063

Kháng cự gần: 1040-1045

Hỗ trợ gần: 1010-1015

Hỗ trợ xa: 975-985

- F1 diễn biến giằng co điều chỉnh vào đầu phiên trước khi mở rộng đà rơi và lao dốc về cuối phiên.
- Mặc dù cơ hội phục hồi lên vùng kháng cự quanh 1100 (+10) vẫn đang hiện hữu, chỉ số nhiều khả năng sẽ còn gặp nhiều diễn biến rung lắc mạnh.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều nhưng tập trung tại các vùng hỗ trợ/kháng cự xa.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm thời đóng trạng thái nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

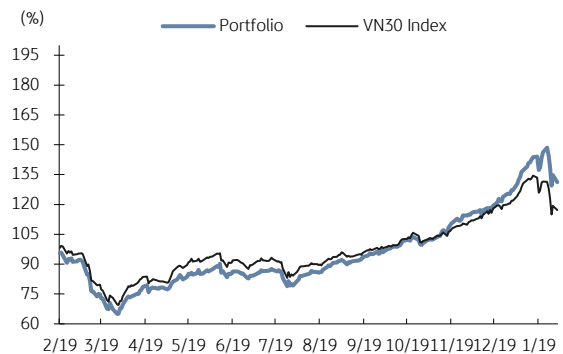
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.76%	-2.57%
Tăng lũy kế (YTD)	17.15%	31.22%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	123,700	-6.8%	6.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	32,000	-1.5%	30.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	78,800	-5.2%	2.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22,000	-6.2%	29.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	50,100	-1.8%	47.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	63,500	1.3%	89.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,000	4.9%	31.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	75,200	-1.4%	2.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	38,350	-2.0%	96.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	34,300	-6.9%	150.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.0%	31.0%	87.5
VNM	-0.1%	57.7%	87.3
VRE	-6.4%	31.2%	80.5
FUEVFNVD	1.9%	99.5%	58.7
VCI	-2.9%	27.1%	30.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-6.0%	10.1%	0.9
SHS	-5.8%	9.2%	-0.7
VCS	-2.7%	3.4%	0.2
CEO	-9.2%	15.8%	0.5
BAX	0.8%	7.7%	0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	6.5%	VIC, VRE
Bảo hiểm	6.2%	BVH, PGI
Truyền thông	4.9%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	2.7%	VNM, SAB
Dầu khí	1.1%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-9.2%	CAV, THI
Y tế	-11.7%	OPC, DBD
Thực phẩm và đồ uống	-13.7%	VCF, SSC
Dầu khí	-14.3%	PVD, PLX
Hóa chất	-14.3%	HII, GVR

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtrệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	99,000	334,861 (14,533)	136,348 (5.9)	22.7	53.0	40.6	20.7	7.3	8.5	3.5	3.2	-0.4	-5.5	-8.5	-8.5
	VHM	VINHOMES JSC	88,300	290,464 (12,606)	289,457 (12.6)	26.8	9.2	7.9	37.1	30.8	28.2	2.6	2.0	-5.6	-11.3	-1.3	-1.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,000	68,170 (2,959)	267,147 (11.6)	17.8	26.9	21.8	-8.4	7.9	10.6	2.4	2.2	-6.4	-20.6	-4.5	-4.5
	NVL	NO VA LAND INVES	80,100	85,223 (3,699)	370,259 (16.1)	31.2	20.8	19.8	3.1	16.1	13.5	3.0	2.6	-0.1	0.1	22.7	22.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	29,900	16,708 (725)	49,317 (2.1)	11.2	13.4	8.4	17.7	15.1	21.2	1.9	1.6	-6.3	-15.8	2.0	2.0
	DXG	DAT XANH GROUP	18,250	9,459 (411)	210,017 (9.1)	14.0	8.7	6.1	-	15.2	18.2	1.2	1.0	-6.9	-14.7	14.4	14.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	91,100	337,879 (14,664)	115,013 (5.0)	6.3	17.2	13.5	17.8	19.3	20.7	2.9	2.5	-2.0	-11.1	-6.9	-6.9
	BID	BANK FOR INVESTM	39,100	157,261 (6,825)	97,015 (4.2)	12.7	28.1	17.7	-7.2	9.3	12.2	2.0	1.8	-2.0	-12.3	-18.4	-18.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	32,200	112,858 (4,898)	601,268 (26.1)	0.0	8.7	7.5	14.4	16.4	16.2	1.3	1.1	0.6	-10.1	2.2	2.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	32,000	119,149 (5,171)	384,793 (16.7)	1.3	9.5	6.9	61.0	14.8	15.8	1.3	1.0	4.9	-13.0	-7.4	-7.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	31,000	76,097 (3,303)	209,786 (9.1)	0.0	7.1	6.4	18.8	18.5	17.2	1.2	1.0	3.3	-13.6	-4.6	-4.6
	MBB	MILITARY COMMERC	22,000	61,573 (2,672)	520,450 (22.6)	0.0	6.6	5.4	14.6	18.4	18.9	1.1	0.9	-6.2	-12.7	-3.5	-3.5
	HDB	HDBANK	22,200	35,382 (1,536)	144,165 (6.2)	4.1	6.6	5.7	23.4	19.0	18.5	1.2	1.0	-0.4	-13.5	-6.5	-6.5
	STB	SACOMBANK	16,100	29,039 (1,260)	664,906 (28.8)	13.8	13.0	9.8	32.4	8.4	9.9	1.0	0.9	-4.7	-16.8	-4.7	-4.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,350	25,121 (1,090)	98,556 (4.3)	0.0	6.9	5.8	37.5	19.9	19.7	1.3	1.1	-2.4	-10.8	-9.1	-9.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,500	21,515 (934)	17,092 (0.7)	0.0	28.8	16.9	27.3	4.4	5.3	1.2	1.2	3.9	-12.5	-9.1	-9.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	53,500	39,714 (1,724)	72,234 (3.1)	20.8	31.4	25.4	4.3	6.8	8.2	2.0	1.9	-5.3	-16.4	-18.9	-18.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	23,600	2,156 (094)	26,039 (1.1)	14.3	11.4	9.3	8.4	9.4	11.1	0.9	0.9	-6.3	-18.3	-22.9	-22.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	26,800	16,054 (697)	447,146 (19.4)	55.3	13.8	12.2	0.0	11.6	12.0	-	-	-6.9	-20.5	-19.0	-19.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	47,600	7,883 (342)	94,692 (4.1)	72.9	10.2	-	-4.0	15.5	-	-	-	-2.9	-21.1	-18.2	-18.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	25,050	7,641 (332)	184,884 (8.0)	51.1	14.4	-	-19.0	14.6	-	-	-	-6.9	-20.2	-20.2	-20.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	21,900	4,567 (198)	162,918 (7.1)	26.6	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-6.6	-21.5	-27.0	-27.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	102,700	214,607 (9,314)	336,377 (14.6)	42.3	18.9	17.4	4.0	39.1	38.1	6.6	5.8	-0.1	-5.1	-5.6	-5.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	173,000	110,942 (4,815)	36,473 (1.6)	36.9	21.2	18.0	7.3	24.7	26.1	4.7	4.3	7.0	-10.8	-11.3	-11.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,000	96,324 (4,181)	229,242 (9.9)	16.9	36.4	23.9	-51.9	9.7	14.2	2.8	2.6	-4.1	-15.5	-7.8	-7.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	10,450	11,584 (503)	153,215 (6.6)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	-22.9	-28.2	-28.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	125,500	65,742 (2,853)	88,953 (3.9)	11.0	-	30.2	-	-4.3	14.1	4.5	4.0	-0.2	-6.1	0.4	0.4
	GMD	GEMADEPT CORP	27,750	8,363 (363)	139,184 (6.0)	11.0	20.4	18.5	-53.1	7.1	7.5	1.4	1.3	-6.9	-14.6	-14.9	-14.9
	CII	HO CHI MINH CITY	20,100	4,801 (208)	63,971 (2.8)	40.1	9.9	6.6	78.0	8.9	12.0	0.9	0.8	-3.6	-11.8	-6.1	-6.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	4,170	2,367 (103)	102,890 (4.5)	46.1	-	-	-89.3	-	-	-	-	-6.9	-8.8	64.8	64.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	18,850	9,085 (394)	186,082 (8.1)	37.5	25.8	10.9	-17.7	11.3	12.4	-	-	-5.8	-16.4	-16.2	-16.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	68,900	5,257 (228)	106,181 (4.6)	3.5	10.6	9.6	-40.4	6.3	6.5	0.6	0.6	-6.9	-14.4	-11.3	-11.3
	REE	REE	50,100	15,483 (672)	36,952 (1.6)	0.0	9.2	8.1	-4.5	14.0	13.7	1.2	1.1	-1.8	-7.7	2.3	2.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,200	143,929 (6,247)	96,722 (4.2)	46.1	17.8	14.8	-15.4	16.9	22.5	2.9	2.9	-1.4	-11.2	-13.2	-13.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,200	6,679 (290)	21,657 (0.9)	31.2	9.8	8.3	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	-1.1	-3.7	-5.7	-5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,600	7,887 (342)	15,115 (0.7)	34.0	9.5	9.5	-5.3	14.4	14.3	1.3	1.3	-7.0	-12.5	0.6	0.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	38,350	127,064 (5,515)	991,667 (43.0)	18.0	11.0	8.7	15.9	21.1	22.1	2.3	1.9	-2.0	-12.2	-7.5	-7.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,300	5,987 (260)	54,719 (2.4)	36.2	9.3	10.5	6.1	8.9	7.5	0.7	0.7	-3.5	-17.3	-18.6	-18.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,950	6,326 (275)	55,834 (2.4)	46.1	14.7	13.8	-4.3	7.8	8.2	1.0	1.0	-6.3	-17.0	-14.6	-14.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,000	9,775 (424)	227,605 (9.9)	37.8	8.4	7.7	67.9	16.2	14.8	1.3	1.1	-5.8	-18.1	-0.7	-0.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,200	2,705 (117)	54,683 (2.4)	97.0	6.7	7.1	38.5	11.7	10.1	0.8	0.7	-6.9	-17.0	-15.3	-15.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,500	59,112 (2,566)	55,579 (2.4)	4.5	56.3	17.9	-44.1	4.9	15.3	2.5	2.3	-1.0	-10.0	-11.2	-11.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	16,500	6,949 (302)	240,164 (10.4)	40.0	51.9	18.7	-11.9	0.9	2.8	0.5	0.6	-6.8	-20.7	1.9	1.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,900	4,822 (209)	116,219 (5.0)	35.8	9.1	8.5	-0.1	10.4	10.3	0.8	0.8	-6.9	-20.3	6.4	6.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	123,700	57,734 (2,506)	186,082 (8.1)	1.4	11.1	8.9	13.7	28.3	29.2	2.9	2.4	-6.8	-6.3	4.0	4.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	78,800	17,922 (778)	56,595 (2.5)	0.0	14.8	11.7	7.0	22.9	23.3	3.1	2.4	-5.2	-9.4	-2.7	-2.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,650	1,272 (055)	3,486 (0.2)	70.6	17.1	12.5	-28.1	6.7	8.5	1.1	1.0	-3.9	-9.1	-11.8	-11.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,400	1,927 (084)	64,554 (2.8)	31.0	17.3	11.5	-75.2	9.2	13.4	1.6	1.5	-6.9	-25.4	-23.8	-23.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,300	7,629 (331)	76,757 (3.3)	35.1	8.0	14.2	41.1	32.6	16.9	2.2	2.3	-3.6	-13.9	-10.6	-10.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,000	13,075 (567)	2,319 (0.1)	45.3	17.1	16.6	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	-1.0	-3.3	-3.8	-3.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (244)	187 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	-0.8	3.9	-2.0	-2.0
IT	FPT	FPT CORP	63,500	49,778 (2,160)	159,671 (6.9)	0.0	12.5	10.6	15.5	25.4	27.1	2.7	2.5	1.3	-5.2	7.4	7.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.